



Ngôn ngữ học đối chiếu - Đáp án đề cương môn ngôn ngữ học đối chiếu

Khoa ngoại ngữ (Phuong Dong University)

Họ và tên: Trần Ngọc Linh

Môn: NNĐC

BÀI TIỂU LUẬN (ĐỀ 7)

Câu 1:

- Ngôn ngữ là một hệ thống những đơn vị vật chất phục vụ cho việc giao tiếp của con người và được phản ánh trong ý thức tập thể, độc lập ý tưởng, tình cảm và nguyện vọng cụ thể của con người, trừu tượng hóa khỏi những tư tưởng, tình cảm và nguyện vọng đó.

- Ngôn ngữ học là nghiên cứu về ngôn ngữ loài người bao gồm ngôn ngữ với tư cách là phương tiện giao tiếp chung và ngôn ngữ riêng của một cộng đồng.

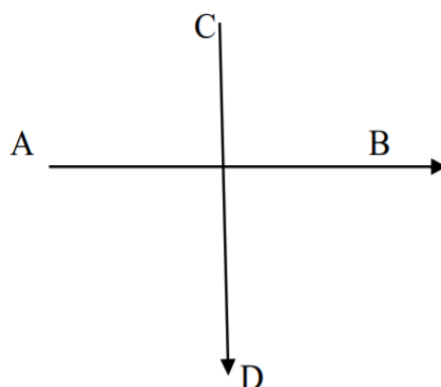
❖ Các phân ngành và các bộ môn của ngôn ngữ học sử dụng phương pháp đối chiếu:

a) Các phân ngành:

- Gồm có 2 phân ngành là:

+ Ngôn ngữ học đồng đại: nghiên cứu một trạng thái nào đó của ngôn ngữ trong giai đoạn hiện đại (còn gọi là ngôn ngữ học miêu tả), thể hiện trục AB - những hiện tượng đồng thời liên quan đến sự vật hiện tượng đang tồn tại.

+ Ngôn ngữ học lịch đại: Nghiên cứu ngôn ngữ trong sự biến đổi lịch sử của nó, thể hiện trục CD - những hiện tượng kế tục, xem xét sự vật hiện tượng trong một khoảng thời gian nhưng trên đó có tất cả sự vật hiện tượng ở trục AB với những thay đổi của nó.



Quan điểm này theo F.Saussure so sánh đồng đại và lịch đại ví như lát cắt ngang và dọc của thân cây để thấy được các thớ gỗ và quan hệ của các thớ gỗ của thân cây.

b) Các bộ môn:

- Gồm 3 bộ môn chính: Ngữ âm học, từ vựng học và ngữ pháp học.

- Ngữ âm học: ngữ âm học theo nghiên cứu mặt âm thanh của ngôn ngữ. Bao gồm thuộc tính về âm học (cao độ, trường độ, âm sắc...), thuộc tính về cấu âm (bộ máy phát âm), mặt xã hội (quy định, giá trị cộng đồng người sử dụng ngôn ngữ), mối quan hệ giữa âm thanh và chữ viết.

- Từ vựng học: từ vựng học nghiên cứu từ và đơn vị tương đương với từ (cụm từ cố định, thành ngữ, quán ngữ) trong các ngôn ngữ. Về từ gồm khái niệm, đặc điểm, đơn vị cấu tạo và phạm vi sử dụng, quan hệ ngữ nghĩa, hiện tượng chuyển nghĩa. Trong từ vựng học còn hình thành một số phân môn như: từ nguyên, ngữ nghĩa học, danh học và từ điển học...

- Ngữ pháp học: nghiên cứu các cách thức, quy tắc, phương tiện cấu tạo từ và câu. Chia thành từ pháp học nghiên cứu phương diện cấu tạo từ (từ loại, đặc điểm từ loại...) và cú pháp học nghiên cứu cụm từ và câu.

- Ngoài ba bộ phận trên, ngôn ngữ còn có ngành nghiên cứu về các phương diện khác của ngôn ngữ có sử dụng phương pháp đối chiếu như: ngữ pháp văn bản, phong cách học (tu từ học), phương ngữ học, ngữ dụng học.

❖ Các bộ môn này hướng đến mục đích:

Trong ngôn ngữ học, phương pháp so sánh đối chiếu xét về mặt phương pháp luận có tính phổ quát nhằm đến các mục đích khác nhau của từng bộ môn trong ngôn ngữ học. Về cơ bản phân chia thành 2 loại mục đích lớn: lý thuyết và ứng dụng.

- Về lý thuyết:

+ Ngôn ngữ học đại cương (phổ niệm học ngôn ngữ): Việc nghiên cứu đối chiếu chỉ tập trung vào những sự giống nhau, nhưng đây là sự giống nhau chung nhất giữa các ngôn ngữ- những sự giống nhau mang tính chất phổ biến. Các đơn vị nhận biết có tính chất định hướng cho việc nghiên cứu phổ niệm là những nét chung nhất của mọi ngôn ngữ.

+ Loại hình học: cung cấp tư liệu cụ thể về cấu trúc và hoạt động của ngôn ngữ cùng và khác loại hình. Góp phần làm rõ đặc trưng của từng loại hình ngôn ngữ và bổ sung những nghiên cứu mới.

+ Ngôn ngữ học so sánh - lịch sử: tìm hiểu và xác lập những nét tương đồng lịch sử, mục đích chỉ ra những mối quan hệ lịch sử giữa các ngôn ngữ trong ngữ hệ, một nhóm ngôn ngữ... thuộc cùng một gia đình.

+ Ngữ vực học: nhằm vào những sự giống nhau giữa các ngôn ngữ trong cùng một khu vực. Những sự giống nhau này vốn là kết quả của quá trình tiếp xúc lịch sử - văn hóa của các tộc người nói những ngôn ngữ trong khu vực. Đó là những nét giống nhau ngữ vực.

- Về ứng dụng:

+ Dạy học ngoại ngữ: xác định chính xác những thuận lợi và khó khăn mà những học viên có cùng tiếng mẹ đẻ gặp phải khi học một ngoại ngữ nào đó bằng cách phát hiện những điểm tương đồng và khác biệt giữa 2 ngôn ngữ. Nhờ những đặc điểm khác biệt giữa tiếng mẹ đẻ và ngoại ngữ mà dự đoán được những lỗi mà người học có thể mắc phải để tìm cách phòng tránh và khắc phục.

+ Dịch thuật: tạo sự đồng nhất về ngữ nghĩa của các đơn vị, các phương tiện biểu hiện khác nhau bằng việc xây dựng một lý thuyết phiên dịch nhờ vào việc đối chiếu các ngôn ngữ: chỉ ra được cái chung về mặt nội dung mà những đơn vị ngôn ngữ khác nhau trong những ngôn ngữ khác nhau.

+ Giao tiếp liên văn hóa: tạo ra những tác động tích cực xảy ra ở giai đoạn đầu của việc học ngoại ngữ mới.

Câu 2:

❖ Các khái niệm cơ bản:

- Ngôn ngữ học đối chiếu: là một phân ngành của ngôn ngữ học sử dụng phương pháp so sánh đối chiếu để tìm ra những nét tương đồng và dị biệt của hai hay nhiều ngôn ngữ nhằm cung cấp những cứ liệu cần thiết cho các phân ngành của ngôn ngữ học, phục vụ cho các mục đích lí luận và thực tiễn.

- Giới từ chỉ không gian là những từ thường rất căn bản trong mọi ngôn ngữ, có tính đối lập rất rõ ràng và có ý nghĩa căn bản không cần phải giải thích (khái niệm căn bản trong nhận thức của con người). Trong tiếng trung, giới từ chỉ vị trí trong không gian được xếp trong nhóm “phương vị từ”.

❖ Đối chiếu các giới từ chỉ không gian: trong/ngoài, trên/dưới, trước/sau giữa tiếng Việt và tiếng Trung.

- Các phương pháp sử dụng: phương pháp miêu tả, phương pháp phân tích ngữ nghĩa, phương pháp so sánh đối chiếu.

a. So sánh đối chiếu từ: trước - 前 (tiền)

- Giống nhau: đều có nghĩa ngữ pháp tính từ và danh từ.

- Khác nhau: Tiếng Trung có thêm nghĩa ngữ pháp động từ.

Ví dụ: 勇往直前 (dũng cảm tiến tới).

b. So sánh đối chiếu từ: sau - 后 (hậu)

- Giống nhau: đều có ý nghĩa ngữ pháp danh từ.

- Khác nhau:

+ Tiếng trung có ý nghĩa ngữ pháp liên từ.

Ví dụ: 先研究一下, 然后再决定 (trước tiên phải nghiên cứu, sau đó mới quyết định).

+ Tiếng Việt có ý nghĩa ngữ pháp giới từ.

Ví dụ: Con mèo ngủ sau ghế sofa.

- Sự chuyển biến ý nghĩa:

+ Khi xét từ "hậu" là từ Hán – Việt thì nghĩa ngữ pháp hai tiếng rung và Việt khá giống nhau. Đây là sự ảnh hưởng của tiếng Trung vào tiếng Việt.

+ đối với các từ kết hợp “后边”, “后面”, và các từ tương đương “phía sau”, “mặt sau”, “sau đó” của tiếng Việt các nghĩa ngữ pháp giống nhau, nhưng đối với từ “以后” nghĩa tương đương tiếng Việt là “sau, sau đó, sau khi” thì tiếng Trung là danh từ.

c. So sánh đôi chiều từ: trên - 上 (thượng)

- Giống nhau: đều có nghĩa ngữ pháp danh từ, giới từ.

- Khác nhau:

+ Tiếng Trung có thêm nghĩa ngữ pháp động từ.

Ví dụ: 他上哪儿去了? (Anh ấy đi đâu rồi?)

- Sự chuyển biến ý nghĩa: Trong cả hai ngôn ngữ đều có chuyển từ nghĩa chỉ vị trí trong không gian sang nghĩa chỉ vị trí trong xã hội, chỉ thứ tự, chỉ thời gian. Riêng tiếng Trung còn có thêm chuyển nghĩa sang hành động.

d. So sánh đôi chiều từ: dưới - 下 (hạ)

- Giống nhau: đều có nghĩa ngữ pháp danh từ.

- Khác nhau:

+ Tiếng Trung có thêm nghĩa ngữ pháp động từ.

Ví dụ: 鸡下蛋 (gà đẻ trứng).

+ Tiếng Việt khi là giới từ thì dịch sang tiếng Trung tương đương danh từ.

Ví dụ: con chó con ở dưới bàn – 小狗在桌子底下 (底下: danh từ chỉ vị trí)

e. So sánh đôi chiều từ: trong - 里 (lí), 内 (nội), 中 (trung)

- Giống nhau: đều có nghĩa ngữ pháp là danh từ.

- Khác nhau:

+ Tiếng Trung có nghĩa ngữ pháp động từ, tính từ.

Ví dụ: 中止 (bỏ dở), 里出外 (không đều, khắp khiêng).

+ Nghĩa ngữ pháp danh từ từ ”Trung” của tiếng Trung nhiều hơn từ ”giữa” tiếng Việt. Nhưng nếu xét từ ”Trung” là từ Hán – Việt thì nghĩa danh từ hai tiếng Trung – Việt giống nhau. Đây là sự ảnh hưởng của tiếng Trung vào tiếng Việt.

f. So sánh đối chiếu với từ: ngoài - 外 (ngoại)

- Giống nhau: đều có nghĩa ngữ pháp danh từ.

- Khác nhau:

+ Tiếng Trung có nghĩa ngữ pháp liên từ.

Ví dụ: 我们只在上海建立了工厂, 此外没有在别的地方投资。 (Chúng tôi chỉ xây nhà máy ở Thượng Hải, ngoài ra không đầu tư thêm ở nơi khác)

+ Tiếng Việt có nghĩa ngữ pháp giới từ.

Ví dụ: Tiểu Tùng trốn bên ngoài cánh cửa.

❖ Kết luận:

Trong quá trình nghiên cứu, đối chiếu, tìm hiểu những điểm giống và khác biệt của các giới từ chỉ không gian giữa tiếng Việt và tiếng Trung, ta nhận thấy nhiều điểm giống nhau về hình thức và ý nghĩa, giống nhau về hình thức nhưng khác nhau về ý nghĩa, giống nhau về ý nghĩa nhưng khác nhau về hình thức, khác nhau về hình thức và ý nghĩa, giống nhau về nghĩa gốc nhưng khác nhau về nghĩa phát sinh. Bằng việc đối chiếu giữa tiếng mẹ đẻ và ngoại ngữ được học, giúp cho người học tiếp nhận một cách nhanh chóng các kiến thức. Hơn thế nữa, trên cơ sở ngữ pháp được học, người học có thể nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn bằng chính tiếng mẹ đẻ của mình và làm phong phú thêm ngôn ngữ dân tộc.

